

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 29/7/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Minh Linh;
Bà Hàng Ái Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 26/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trình Kiên T1 - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh N1. Ông T1 ủy quyền lại cho ông Trần Đức T2 - Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh N1 và ông Trần Huy H - Chuyên viên phụ trách xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh N1 tham gia tố tụng (ông H có mặt).

Địa chỉ: Số A đường B tháng H, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (Viết tắt Ngân hàng B) trình bày:

Bà **Võ Thị H1** có quan hệ tín dụng với **Ngân hàng B** với 02 khoản tín dụng, cụ thể như sau:

Ngày 11/10/2018, bà **Võ Thị H1** ký kết với **Ngân hàng B** hợp đồng tín dụng số E439/01/2018/HĐTD ngày 11/10/2018 với số tiền vay là 150.000.000đ với thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất vay ban đầu: 10%/năm. Ngày 15/10/2018, **Ngân hàng B** đã giải ngân số tiền 150.000.000đ cho bà **H1**. Quá trình vay, từ ngày 10/12/2018 đến ngày 07/5/2019, bà **H1** chỉ thanh toán được cho **Ngân hàng B** tổng số tiền: 9.585.000đ, trong đó tiền gốc: 3.893.624đ, tiền lãi: 5.691.376đ. Sau đó bà **H1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Tính đến ngày 29/7/2024: bà **H1** còn dư nợ theo hợp đồng này là 246.575.626đ, trong đó nợ gốc: 146.106.376đ, nợ lãi trong hạn: 83.799.373đ, lãi trên nợ gốc quá hạn: 16.669.877đ.

Ngày 05/01/2019, bà **H1** tiếp tục ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3533845/HĐ với số tiền vay: 20.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất ban đầu 11,9%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **H1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 19.894.148đ. Bà **H1** có thực hiện nghĩa vụ trả lãi tính đến ngày 28/4/2019 với tổng số tiền 723.613đ. Sau đó bà **H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 29/7/2024 bà **H1** còn dư nợ theo hợp đồng thấu chi là 36.277.808đ, trong đó nợ gốc: 19.894.148đ, nợ lãi trong hạn: 11.058.693, lãi trên nợ gốc quá hạn: 5.324.967đ.

Tổng số tiền dư nợ của bà **H1** theo 02 hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 29/7/2024 là 282.853.434đ.

Mặc dù **Ngân hàng B** đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà **H1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đến nay, các khoản nợ trên của bà **H1** đều đã chuyển nợ quá hạn.

Đối với 02 hợp đồng tín dụng trên của bà **Võ Thị H1**, **Ngân hàng B** có chính sách áp dụng lãi suất cho vay bằng 0 kể từ ngày 31/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay nên dư nợ 02 hợp đồng tín dụng này của bà **H1** không thay đổi so với thời điểm nộp đơn khởi kiện.

*Do đó, **Ngân hàng B** yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Buộc bà **Võ Thị H1** trả cho **Ngân hàng B** tổng số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 29/7/2024 là 282.853.434đ (hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc: 166.000.524đ, tiền lãi: 94.858.066đ, lãi trên nợ gốc quá hạn: 21.994.844đ.

Buộc bà **Võ Thị H1** tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

*Bị đơn bà **Võ Thị H1**:* Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà **Võ Thị H1** trả số tiền nợ đã vay theo các Hợp đồng tín dụng số E439/01/2018/HĐTD ngày 11/10/2018 và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3533845/HĐ ngày 05/01/2019. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại on **H2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận** xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bà **H1** nhưng bà **H1** vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Ngày 11/10/2018, bà **Võ Thị H1** có ký kết Hợp đồng tín dụng số E439/01/2018/HĐTD ngày 11/10/2018 để vay của **N BIDV** số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất vay ban đầu: 10%/năm. Ngày 15/10/2018, bà **H1** đã được giải ngân số tiền vay. Quá trình vay, từ ngày 10/12/2018 đến ngày 07/5/2019, bà **H1** chỉ thanh toán được cho **Ngân**

hàng B tổng số tiền: 9.585.000đ, trong đó: tiền gốc: 3.893.624đ, tiền lãi: 5.691.376đ. Sau đó bà **H1** không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như hợp đồng đã thoả thuận.

Ngày 05/01/2019, bà **Võ Thị H1** tiếp tục ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3533845/HĐ với số tiền 20.000.000đ, thời gian vay: 12 tháng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay ban đầu: 11,9%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **H1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 19.894.148đ. Bà **H1** có thực hiện việc trả lãi tính đến ngày 28/4/2019 với số tiền 723.613đ. Sau đó bà **H1** không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thoả thuận.

Xét các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa **Ngân hàng B** và bà **Võ Thị H1** nêu trên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà **Võ Thị H1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với **Ngân hàng B**, vi phạm các nội dung đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng B** là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Buộc bà **Võ Thị H1** phải thanh toán cho **Ngân hàng B** tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/7/2024 là 282.853.434đ, trong đó: nợ gốc: 166.000.524đ, tiền lãi trong hạn: 94.858.066đ, lãi trên nợ gốc quá hạn: 21.994.844đ, cụ thể:

Đối với hợp đồng tín dụng E439/01/2018/HĐTD ngày 11/10/2018 gồm nợ gốc: 146.106.376đ, tiền lãi trong hạn: 83.799.373đ, lãi trên nợ gốc quá hạn: 16.669.877đ.

Đối với hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3533845/HĐ ngày 05/01/2019 gồm nợ gốc: 19.894.148đ, nợ lãi trong hạn: 11.058.693, lãi trên nợ gốc quá hạn: 5.324.967đ.

Kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay, bà **H1** còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Võ Thị H1** phải chịu 14.143.000đ (cách tính: 282.853.434đ x 5% (làm tròn số)).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

- Buộc bà **Võ Thị H1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** đến ngày 29/7/2024 với tổng số tiền là 282.853.434đ (hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc: 166.000.524 đồng, tiền lãi trong hạn: 94.858.066 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 21.994.844 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà **Võ Thị H1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với toàn bộ số tiền còn phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ** theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Bà **Võ Thị H1** phải chịu: 14.143.000đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền 7.071.000đ (bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002366 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Thành